

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **181/2023/DS-ST**

Ngày: 29/12/2023

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hoài Nam**.

Bà **Mai Xuân Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Quang Đạo** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Ông **Lưu Thế Tài** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 27 và 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **N.X.A**, sinh năm 1998.

Nơi thường trú: Số ..., ngõ T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú hiện tại: Số ..., ngõ ..., phố D, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 00109800xxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/10/2022. Tài khoản số 678910678aaaa tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vân Hồ. - *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của anh X.A: Bà **N.T.T3**, sinh năm 19... Nơi thường trú: Số ..., ngách .../..., phố C, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền số công chứng 79 quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/02/2022. - *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh X.A: Luật sư **N.H.G** - Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. - *Có mặt ngày 20/12/2023.*

2. Bị đơn: Bà **T.T.H**, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: ..., chung cư C, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú hiện tại: Số ..., ngõ ..., phố D, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 03618000yyyy do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/20221. Tại khoản số 001100416bbbb tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Phòng giao dịch Trần Quang Khải. - *Có mặt ngày 20, 27/12/2023, vắng mặt khi tuyên án có lý do chính đáng.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư **H.N** - Văn phòng luật sư N và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. - *Có mặt ngày 20, 27/12/2023.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B.**

Trụ sở: Số ..., phố T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà **H.T.Y** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **P.Q.Đ**, ông **H.Đ.Q** - Chuyên viên Ban Pháp chế, theo Giấy ủy quyền số 1089/GUQ-PC-PTI ngày 19/12/2023. - *Có mặt ông Q.*

3.2. Bà **D.T.T1**, sinh năm 19...

Nơi thường trú: Số ..., ngõ ..., phố H, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. - *Xin vắng mặt.*

3.3. Bà **P.T.T2**, sinh năm 19...

Nơi thường trú: Số ..., ngõ, phố N, phường K, quận B, thành phố Hà Nội. - *Xin vắng mặt.*

3.4. **Ngân hàng TNHH Một thành viên S1**

Trụ sở: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L02, Tòa nhà C, số ..., phố L, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà **M.W.S.S** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **S.A** - Trưởng bộ phận thu hồi nợ, theo Giấy ủy quyền ngày 01/02/2021. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **P.H.C**, theo Giấy ủy quyền số 420/LC-SCBVL.22 ngày 03/11/2022. - *Xin vắng mặt.*

3.5. **Ngân hàng TNHH MTV S2.**

Trụ sở: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2, 3, 11, 15, Tòa nhà E, số ... - ..., đường H, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **K.G** - Tổng Giám đốc. - *Vắng mặt.*

3.6. **Ngân hàng TMCP K.**

Trụ sở: Số ..., phố Q, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **P.Q.T** - Giám đốc Khối quản trị ngân hàng, theo Quyết định số 1274/2019/QĐ-HĐQT ngày 05/11/2019. Ủy quyền lại cho: Ông **T.V.D** - Giám đốc Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Hà Nội, theo Giấy ủy quyền số 249/2023/UQ-TCB ngày 14/12/2023 - *Xin vắn mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, nguyên đơn là anh **N.X.A** trình bày:

Ông N.X.H1 có vợ thứ nhất là bà N.T.H2. Ông H1 và bà H2 có 01 con chung là anh - N.X.A. Ông H1 và bà H2 đã ly hôn Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 359/QĐTTLH ngày 21/11/2003 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Năm 2008, ông H1 kết hôn với bà T.T.H. Ông H1 và bà H không có con chung. Ông H1 không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố ông H1 là cụ N.X.Đ, chết năm 2019. Mẹ ông H1 là cụ N.T.L, chết năm 1996. Ông H1 không có bố, mẹ nuôi nào khác. Ông H1 chết ngày 31/01/2021, không lập di chúc định đoạt di sản. Hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 chỉ có anh và bà H.

Ông H1 có các nghĩa vụ tài sản gồm:

- Nợ Ngân hàng TNHH MTV S2 67.292.206 đồng, bà H đã thanh toán xong ngày 05/9/2023.
- Nợ Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 169.447.000 đồng, bà H đã thanh toán xong ngày 25/7/2023.
- Nợ bà D.T.T1 100.000.000 đồng, bà H đã thanh toán xong ngày 29/7/2023.
- Nợ bà P.T.T2 02 chỉ vàng, tương đương 11.414.000 đồng, bà H đã thanh toán xong ngày 29/7/2023.
- Nợ Ngân hàng TMCP K 27.407.353 đồng tính đến ngày 14/4/2022, nhưng Ngân hàng TMCP K không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án.

Di sản thừa kế của ông H1 gồm:

- Số tiền trợ cấp tử tuất một lần là 532.380.599 đồng, bà H quản lý từ tháng 4/2021, anh không yêu cầu tính lãi của số tiền đó để chia thừa kế.
- Xe máy Honda SH BKS 29D2-013.55, trị giá 70.000.000 đồng và xe máy BMW BKS 29A1-154.38, trị giá 250.000.000 đồng. Theo thỏa thuận giữa anh và bà H, bà H được sở hữu 02 xe máy trên và dùng số tiền 320.000.000 đồng để thanh toán các nghĩa vụ về tài sản của ông H1.
- Số tiền bảo hiểm do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B phải bồi thường là 1.050.000.000 đồng.

- Số dư tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Hà Nội tính đến ngày 14/4/2022 là 20.712.895 đồng, anh không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Anh có quan điểm về việc phân chia nghĩa vụ tài sản và chia thừa kế tài sản như sau:

- Đối với khoản nợ của Ngân hàng TNHH MTV S2 và Ngân hàng TNHH Một thành viên S1, anh đề nghị chia cho anh và bà H, mỗi người chịu 50% nghĩa vụ trả nợ = $(67.292.206 \text{ đồng} + 169.447.000 \text{ đồng}) \times 50\% = 118.369.603 \text{ đồng}$.

- Đối với khoản nợ của bà T1 và bà T2, anh đề nghị anh chịu 25% nghĩa vụ trả nợ = $(100.000.000 \text{ đồng} + 11.414.000 \text{ đồng}) \times 25\% = 27.853.500 \text{ đồng}$, bà H chịu 75% nghĩa vụ trả nợ = $(100.000.000 \text{ đồng} + 11.414.000 \text{ đồng}) \times 75\% = 83.560.500 \text{ đồng}$.

- Đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP K, bà H đã liên hệ trực tiếp và gửi văn bản nhiều lần đề nghị được thanh toán nợ, nhưng Ngân hàng chưa đồng ý, nên Ngân hàng sẽ khởi kiện vụ án khác nếu có yêu cầu.

- Đối với xe máy Honda SH BKS 29D2-013.55, anh đề nghị chia cho anh hưởng 25% giá trị = 17.500.000 đồng, bà H hưởng 75% giá trị = 52.500.000 đồng.

- Đối với xe máy BMW BKS 29A1-154.38, anh đề nghị chia cho anh hưởng 25% giá trị = 62.500.000 đồng, bà H hưởng 75% giá trị = 187.500.000 đồng.

- Đối với số tiền trợ cấp tử tuất là 532.380.599 đồng, anh đề nghị chia cho anh và bà H, mỗi người hưởng 50% giá trị = 266.190.299 đồng.

- Đối với số tiền bảo hiểm là 1.050.000.000 đồng, anh đề nghị chia cho anh và bà H, mỗi người hưởng 50% giá trị = 525.000.000 đồng.

Tổng giá trị nghĩa vụ về tài sản anh phải chịu là: 118.369.603 đồng + 27.853.500 đồng = 146.223.103 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế anh được hưởng là: 17.500.000 đồng + 62.500.000 đồng + 266.190.299 đồng + 525.000.000 đồng = 871.190.300 đồng. Tổng số tiền bảo hiểm anh được nhận là 724.963.300 đồng, bà H được nhận là 325.036.700 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 25/02/2022, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, bị đơn là bà **T.T.H** trình bày:

Ông N.X.H1 có vợ thứ nhất là bà N.T.H2. Ông H1 và bà H2 có 01 con chung là anh N.X.A. Ông H1 và bà H2 đã ly hôn Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 359/QĐTTLH ngày 21/11/2003 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2008, ông H1 kết hôn với bà. Ông H1 và bà không có con chung. Ông H1 không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố ông H1 là cụ N.X.Đ, chết năm 2019. Mẹ ông H1 là cụ N.T.L, chết năm 1996. Ông H1 không có bố, mẹ nuôi nào

khác. Ông H1 chết ngày 31/01/2021, không lập di chúc định đoạt di sản. Hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 chỉ có bà và anh X.A.

Ông H1 có các nghĩa vụ tài sản gồm:

- Nợ Ngân hàng TMCP K 27.407.353 đồng tính đến ngày 14/4/2022.
- Nợ Ngân hàng TNHH MTV S2 67.292.206 đồng, bà đã thanh toán xong ngày 05/9/2023.
- Nợ Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 169.447.000 đồng, bà đã thanh toán xong ngày 25/7/2023.
- Nợ bà D.T.T1 100.000.000 đồng, bà đã thanh toán xong ngày 29/7/2023.
- Nợ bà P.T.T2 02 chỉ vàng, tương đương 11.414.000 đồng, bà đã thanh toán xong ngày 29/7/2023.

Di sản thừa kế của ông H1 gồm:

- Số tiền trợ cấp tử tuất một lần là 532.380.599 đồng, bà quản lý từ tháng 4/2021.
- Xe máy Honda SH BKS 29D2-013.55, trị giá 70.000.000 đồng và xe máy BMW BKS 29A1-154.38, trị giá 250.000.000 đồng. Theo thỏa thuận giữa bà và anh X.A, bà được sở hữu 02 xe máy trên và dùng số tiền 320.000.000 đồng để thanh toán các nghĩa vụ về tài sản của ông H1.
- Số tiền bảo hiểm do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B phải bồi thường là 1.050.000.000 đồng.
- Số dư tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Hà Nội tính đến ngày 14/4/2022 là 20.712.895 đồng, bà không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Bà có quan điểm về việc phân chia nghĩa vụ về tài sản và chia thừa kế tài sản như sau:

- Đối với khoản nợ của Ngân hàng TNHH MTV S2 và Ngân hàng TNHH Một thành viên S1, bà đề nghị chia cho bà và anh X.A, mỗi người chịu 50% nghĩa vụ trả nợ = $(67.292.206 \text{ đồng} + 169.447.000 \text{ đồng}) : 2 = 118.369.603 \text{ đồng}$.
- Đối với khoản nợ của bà T1 và bà T2, bà đề nghị bà chịu 75% nghĩa vụ trả nợ = 83.560.500 đồng, anh X.A chịu 25% nghĩa vụ trả nợ = 27.853.500 đồng.
- Đối với xe máy Honda SH BKS 29D2-013.55, bà đề nghị chia cho bà hưởng 75% giá trị = 52.500.000 đồng, anh X.A hưởng 25% giá trị = 17.500.000 đồng.
- Đối với xe máy BMW BKS 29A1-154.38, bà đề nghị chia cho bà hưởng 75% giá trị = 187.500.000 đồng, anh X.A hưởng 25% giá trị = 62.500.000 đồng.

- Đối với số tiền trợ cấp tử tuất là 532.380.599 đồng, bà đề nghị chia cho bà và anh X.A, mỗi người hưởng 50% giá trị = 266.190.299 đồng.

- Đối với số tiền bảo hiểm là 1.050.000.000 đồng, bà đề nghị chia cho bà hưởng 75% giá trị = 787.500.000 đồng, anh X.A hưởng 25% giá trị = 262.500.000 đồng.

Tổng giá trị nghĩa vụ về tài sản bà phải chịu là: 118.369.603 đồng + 83.560.500 đồng = 201.930.103 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế bà được hưởng là: 52.500.000 đồng + 187.500.000 đồng + 266.190.299 đồng + 787.500.000 đồng = 1.293.690.300 đồng. Tổng số tiền bảo hiểm bà còn được nhận là 441.310.000 đồng, anh X.A được nhận là 608.690.000 đồng.

Tại Văn bản số 601/PTI-PCKSNB ngày 18/02/2022, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B** do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 31/5/2020, Công ty bảo hiểm Bưu điện Thăng Long là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B và Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba ký Hợp đồng bảo hiểm kết hợp tai nạn và chăm sóc sức khỏe con người số 00312I/HD/016-PCN/CN.4.5/2020 cho 11 cán bộ, nhân viên và 7 người thân của Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba, trong đó có ông N.X.H1 là người ký hợp đồng bảo hiểm với chức danh Tổng quản lý, thời hạn bảo hiểm từ ngày 31/5/2020 đến ngày 31/5/2021, quyền lợi tử vong và thương tật vĩnh viễn do tai nạn dành cho nhân viên Công ty là 1.050.000.000 đồng. Công ty môi giới bảo hiểm: Công ty TNHH môi giới bảo hiểm Willis Towers Watson Việt Nam. Công ty thu xếp bồi thường: Công ty TNHH dịch vụ Nam Á (SAS).

Ngày 31/01/2021, ông H1 tử vong. Nguyên nhân: Theo Tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện Bạch Mai, nguyên nhân tử vong do xuất huyết não do vỡ phình động mạch đốt sống. Ngày 12/3/2021, Công ty TNHH dịch vụ Nam Á (SAS) nhận được hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm do bà T.T.H là vợ ông H1 ký. Công ty TNHH dịch vụ Nam Á (SAS) đã thông báo và hướng dẫn khách hàng bổ sung hoàn thiện chứng từ yêu cầu bồi thường. Ngày 09/3/2021, Công ty bảo hiểm Bưu điện Thăng Long ký Bản xác nhận quyền lợi bảo hiểm xác nhận nội dung: Người được bảo hiểm: "...N.X.H1...đã tham gia Hợp đồng bảo hiểm tai nạn và sức khỏe theo hợp đồng số 000312I/HD/016-PCN/CN.4.5/2020 được ký kết giữa Công ty bảo hiểm bưu điện Thăng Long và Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba, trong đó có quyền lợi:

1. Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng từ ngày 31/5/2020 đến ngày 31/5/2021 (bao gồm hai ngày này).

2. Tử vong và thương tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh, thai sản: 1.050.000.000 đồng.

Công ty bảo hiểm Bưu điện Thăng Long xác nhận nội dung này chỉ được sử dụng cho mục đích công chứng văn bản khai nhận tài sản thừa kế và cam kết nhận tiền theo yêu cầu của văn phòng công chứng”.

Ngày 26/01/2021, Công ty TNHH dịch vụ Nam Á (SAS) thông báo bà H bổ sung văn bản khai nhận di sản quyền thừa kế được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Thiện ngày 24/01/2021 với nội dung bà H - vợ ông H1 và N.X.A - con chồng là những người được hưởng thừa kế. Tuy nhiên, văn bản khai nhận di sản này chỉ có chữ ký của bà H, mà không có chữ ký của anh X.A.

Ý kiến của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B về việc giải quyết vụ án: Về phạm vi bảo hiểm: Căn cứ hợp đồng bảo hiểm đã ký giữa Công ty bảo hiểm Bưu điện Thăng Long và Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba, căn cứ hồ sơ bệnh án của ông H1, thì trường hợp tử vong của ông H1 thuộc phạm vi bảo hiểm của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B, số tiền chi trả bảo hiểm là 1.050.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H1 bị đột tử và không để lại di chúc, do đó số tiền chi trả bảo hiểm của ông H1 được trả cho những người thừa kế hợp pháp của ông H1 và được phân chia theo quy định của pháp luật. Theo hồ sơ hiện có, những người yêu cầu trả tiền bảo hiểm chưa cung cấp được thông tin để xác định rõ người được thừa kế di sản theo pháp luật của ông H1 gồm những ai, nên Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B chưa có cơ sở chi trả số tiền bảo hiểm được hưởng theo hợp đồng bảo hiểm của ông H1. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B đề nghị Tòa án làm rõ ai được hưởng số tiền bảo hiểm của ông H1 để Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B có căn cứ chi trả, ghi rõ trong bản án Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B phải trả số tiền bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm cho ai, trả tiền bằng hình thức gì và thông tin của người được nhận tiền bảo hiểm do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B chi trả. Đồng thời, những người thụ hưởng theo phán quyết của Tòa án phải có trách nhiệm cung cấp bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm cho Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B trong thời hạn quy định của hợp đồng bảo hiểm. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B sẽ thực hiện theo bản án/quyết định có hiệu lực của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **D.T.T1** có đơn yêu cầu độc lập đòi người thừa kế của ông N.X.H1 là bà T.T.H và anh N.X.A trả số tiền 100.000.000 đồng mà bà Thuận đã giao cho ông H1, bà H năm 2019, không yêu cầu trả tiền lãi. Ngày 8/2023, bà Thuận tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập do ngày 29/7/2023 bà H đã trả đủ số tiền 100.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **P.T.T2** có đơn yêu cầu độc lập đòi người thừa kế của ông N.X.H1 là bà T.T.H và anh N.X.A trả 02 chỉ vàng, trị giá 13.200.000 đồng mà bà Thư đã cho ông H1 vay năm 2004. Ngày 17/7/2023, bà Thư tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập do ngày 29/7/2023 bà H đã trả đủ 02 chỉ vàng, trị giá 5.707.000 đồng/chỉ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ngân hàng TNHH Một thành viên S1** có đơn yêu cầu độc lập đòi người thừa kế của ông N.X.H1 là bà T.T.H và anh N.X.A trả số tiền còn thiếu là 193.870.539 đồng, gồm: Nợ gốc là 169.446.011 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.601.887 đồng, lãi phạt và phí là 2.822.641 đồng. Ngày /8/2023, Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập do ngày 2023 bà H đã trả đủ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ngân hàng TNHH MTV S2** có Thư xác nhận ngày 05/9/2023 với nội dung: Toàn bộ dư nợ của ông H1 tại Ngân hàng TNHH MTV S2 đã được bà H thanh toán vào ngày 05/9/2023 là 67.292.206 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ngân hàng TMCP K** vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tính đến ngày 14/4/2022, số dư tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Hà Nội của ông N.X.H1 tính đến ngày 14/4/2022 là 20.712.895 đồng, số nợ của ông H1 là 27.407.353 đồng, nhưng Ngân hàng TMCP K không có đơn yêu cầu độc lập.

Trước khi mở phiên tòa, Ngân hàng TMCP K có văn bản trình bày: Ngân hàng TMCP K không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Liên quan đến dư nợ thẻ tín dụng và số tiền có trong tài khoản của khách hàng N.X.H1, tính đến ngày 14/12/2023, khách hàng N.X.H1 không còn bất kỳ khoản nợ và/hoặc dư nợ thẻ tín dụng nào, số tiền có trong tài khoản của khách hàng là 7.467.859 đồng, Ngân hàng sẽ thực hiện chi trả số tiền này trên cơ sở bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Ngân hàng đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa xét xử vụ án và đề nghị Tòa án gửi bản án, quyết định về việc giải quyết vụ án để Ngân hàng lưu trữ, quản lý hồ sơ vụ việc theo đúng quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với số tiền 7.467.859 đồng trong tài khoản của ông H1 tại Ngân hàng TMCP K, trong đó 50% số tiền là tài sản của bà H, 50% số tiền còn lại là di sản thừa kế của ông H1, chia đều cho nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án xác định số tiền bảo hiểm tử vong là 1.050.000.000 đồng và số tiền chi trả chi phí y tế là 56.272.821 đồng cho ông H1 trong thời gian nằm viện từ ngày 29/01/2021 đến ngày 31/01/2021 là di sản thừa kế của ông H1 và chia cho nguyên đơn được hưởng 50%. Bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia số tiền 7.467.859 đồng. Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa án xác định số tiền bảo hiểm là 1.050.000.000 đồng và số tiền chi trả chi phí y tế là 56.272.821 đồng là tài sản chung vợ chồng của ông H1 và bà H, phần tài sản của bà H là 50%, di sản thừa kế của ông H1 là 50% đồng. Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B xác định số tiền

chi trả bảo hiểm tử vong là 1.050.000.000 đồng và số tiền chi trả chi phí nằm viện là 37.989.264 đồng (gồm 10.500.000 đồng/ngày x 3 ngày + 105.000 đồng/ngày x 3 ngày + 6.174.264 đồng chi phí điều trị ngoại trú tại Bệnh viện 108 được chấp nhận), tổng số tiền là 1.087.989.264 đồng. Anh X.A, bà H đồng ý với ý kiến của Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xác định số tiền 7.467.859 đồng trong tài khoản của ông H1 tại Ngân hàng TMCP K là tài sản chung vợ chồng của ông H1 và bà H, chia cho anh X.A 25%, chia cho bà H 75%; xác định số tiền bảo hiểm 1.087.989.264 đồng là di sản thừa kế của ông H1, chia cho anh X.A, bà H mỗi người được hưởng 50%. Về án phí: Tòa án xác định án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh N.X.A khởi kiện vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản của ông N.X.H1 đối với bị đơn là bà T.T.H, cư trú tại số 27, ngõ 156, phố Dương Văn Bé, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà D.T.T1, bà P.T.T2, Ngân hàng TNHH Một thành viên S1, Ngân hàng TMCP K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ngân hàng TNHH MTV S2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Thuận, bà Thư, Ngân hàng TNHH Một thành viên S1, Ngân hàng TNHH MTV S2, Ngân hàng TMCP K.

[3] Về quan hệ hôn nhân, huyết thống: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ gồm Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai tử, Sơ yếu lý lịch tự thuật,

Văn bản khai nhận di sản thừa kế, có cơ sở để Tòa án xác định ông N.X.H1 và bà N.T.H2 là vợ chồng hợp pháp và có 01 con chung là anh N.X.A. Ông H1 và bà Huyền thuận tình ly hôn theo Quyết định số 359/QĐTTLH ngày 21/11/2003 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Ngày 20/02/2009, ông H1 đăng ký kết hôn với bà T.T.H tại Ủy ban nhân dân phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Ông H1 và bà H không có con chung. Ông H1 không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố ông H1 là cụ Nguyễn Xuân Dương, chết năm 2019. Mẹ ông H1 là cụ Nguyễn Thị Loan, chết năm 1996. Ông H1 không có bố, mẹ nuôi nào khác. Ông H1 chết ngày 31/01/2021, không lập di chúc định đoạt di sản. Hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 chỉ có anh X.A và bà H.

[4] Về nghĩa vụ tài sản của ông N.X.H1:

[4.1] Ông H1 nợ Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 169.447.000 đồng theo Hợp đồng vay số 1118277 ngày 18/9/2018 và Hợp đồng vay số 01378546 ngày 18/11/2019, Ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập đòi người thừa kế của ông H1 trả số tiền trên. Ngày 25/7/2023, bà H đã thanh toán xong khoản nợ, nên Ngân hàng rút đơn yêu cầu độc lập. Anh X.A và bà H thỏa thuận đó là nghĩa vụ riêng của ông H1, nên mỗi người chịu 50% nghĩa vụ trả nợ = $169.447.000 \text{ đồng} \times 50\% = 84.723.500 \text{ đồng}$.

[4.2] Ông H1 nợ bà D.T.T1 (mẹ kế) 100.000.000 đồng là số tiền phúng viếng ông Nguyễn Xuân Dương (bố ông H1), do bà Thuận gửi ông H1, bà H. Bà Thuận có đơn yêu cầu độc lập đòi người thừa kế của ông H1 trả số tiền trên để thờ cúng ông Dương. Ngày 29/7/2023, bà H đã thanh toán xong khoản nợ, nên bà Thuận rút đơn yêu cầu độc lập. Anh X.A và bà H thỏa thuận đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông H1, bà H, nên anh X.A chịu 25% nghĩa vụ trả nợ = $100.000.000 \text{ đồng} \times 25\% = 25.000.000 \text{ đồng}$, bà H chịu 75% nghĩa vụ trả nợ = $100.000.000 \text{ đồng} \times 75\% = 75.000.000 \text{ đồng}$.

[4.3] Ông H1 nợ bà P.T.T2 (chị dâu) 02 chỉ vàng là số vàng bà Thư đã cho ông H1 vay năm 2004, không có văn bản, không thỏa thuận lãi suất. Bà Thư có đơn yêu cầu độc lập đòi người thừa kế của ông H1 trả số vàng trên. Ngày 29/7/2023, bà H đã thanh toán xong 02 chỉ vàng, tương đương 11.414.000 đồng, nên bà Thư rút đơn yêu cầu độc lập. Anh X.A và bà H thỏa thuận đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông H1, bà H, nên anh X.A chịu 25% nghĩa vụ trả nợ = $11.414.000 \text{ đồng} \times 25\% = 2.853.500 \text{ đồng}$, bà H chịu 75% nghĩa vụ trả nợ = $11.414.000 \text{ đồng} \times 75\% = 8.560.500 \text{ đồng}$.

[4.4] Ông H1 nợ Ngân hàng TNHH MTV S2 67.292.206 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ANZ kèm hợp đồng ngày 13/5/2015, Hợp đồng mua bán các khoản vay thẻ tín dụng ngày 17/12/2017, Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/9/2023 bà H đã thanh toán xong

khoản nợ. Anh X.A và bà H thỏa thuận đó là nghĩa vụ riêng của ông H1, nên mỗi người chịu 50% nghĩa vụ trả nợ = $67.292.206 \text{ đồng} \times 50\% = 33.646.103 \text{ đồng}$.

[4.5] Số tiền viện phí 56.272.821 đồng mà bà H đã thanh toán cho Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Bạch Mai trong thời gian ông H1 được điều trị từ ngày 29/01/2021 đến ngày 31/01/2021: Tại phiên tòa, anh X.A và bà H thỏa thuận đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông H1, bà H, nên anh X.A chịu 25% nghĩa vụ trả tiền = $56.272.821 \text{ đồng} \times 25\% = 14.068.205 \text{ đồng}$, bà H chịu 75% nghĩa vụ trả tiền = $56.272.821 \text{ đồng} \times 75\% = 42.204.616 \text{ đồng}$.

[5] Về tài sản, di sản của ông N.X.H1:

[5.1] Số tiền trợ cấp tử tuất một lần là 532.380.599 đồng (làm tròn là 532.380.600 đồng) do Bảo hiểm xã hội quận Hai Bà Trưng chuyển khoản vào tài khoản của bà H theo Quyết định số 59032100280/QĐ-BHXH ngày 29/3/2021: Anh X.A và bà H thỏa thuận đó là di sản của ông H1, nên mỗi người hưởng 50% số tiền = $532.380.600 \text{ đồng} \times 50\% = 266.190.300 \text{ đồng}$.

[5.2] Xe máy Honda SH BKS 29D2-013.55 đứng tên ông H1 theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 038120 do Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2016, trị giá 70.000.000 đồng và xe máy BMW BKS 29A1-154.38 đứng tên ông H1 theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020994 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 22/10/2019, trị giá 250.000.000 đồng: Anh X.A và bà H thỏa thuận đó là tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà H, nên anh X.A được hưởng 25% giá trị = $(70.000.000 \text{ đồng} + 250.000.000 \text{ đồng}) \times 25\% = 80.000.000 \text{ đồng}$, bà H hưởng 75% giá trị = $(70.000.000 \text{ đồng} + 250.000.000 \text{ đồng}) \times 75\% = 240.000.000 \text{ đồng}$; bà H được sở hữu 02 xe máy trên và dùng số tiền 320.000.000 đồng để thanh toán các nghĩa vụ tài sản của ông H1.

[5.3] Số tiền có trong tài khoản của ông H1 tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Hà Nội tính đến ngày 14/12/2023 là 7.467.859 đồng (làm tròn là 7.467.860 đồng): Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã đến Ngân hàng để đối trừ khoản nợ thẻ tín dụng của ông H1 tính đến thời điểm ông H1 chết với số tiền có trong tài khoản của ông H1, nhưng bà H không thực hiện được các yêu cầu về thủ tục của Ngân hàng, nên anh X.A, bà H không yêu cầu chia thừa kế. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, Ngân hàng TMCP K có văn bản xác nhận số tiền trên và đồng ý chi trả trên cơ sở bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, nên anh X.A, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án và thỏa thuận đó là tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà H; anh X.A được hưởng 25% số tiền = $7.467.860 \text{ đồng} \times 25\% = 1.866.965 \text{ đồng}$, bà H hưởng 75% số tiền = $7.467.860 \text{ đồng} \times 75\% = 5.600.895 \text{ đồng}$. Xét thỏa thuận trên phù hợp với quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, các Điều 611, 612, 613, 614, 621, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được Tòa án ghi nhận.

[5.4] Số tiền bảo hiểm nhân thọ: Ngày 31/5/2020, Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba do ông N.X.H1- Tổng quản lý đại diện và Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long do ông Trần Xuân Lộc - Phó Giám đốc đại diện, ký kết Hợp đồng bảo hiểm kết hợp tai nạn và chăm sóc sức khỏe con người số 0000312I/HD/ 016-PCN/CN.4.5/2020 ngày 31/5/2020, với nội dung chủ yếu gồm: Thời hạn bảo hiểm từ ngày 31/5/2023 đến ngày 30/5/2023. Phạm vi địa lý: Việt Nam. Phạm vi pháp lý: Việt Nam. Điều kiện tham gia bảo hiểm: Là nhân viên và người thân của cán bộ nhân viên Công ty từ đủ 15 ngày tuổi đến sau đến hết 65 tuổi (tái tục đến 70 tuổi với điều kiện tham gia trước 66 tuổi), không bị mắc bệnh tâm thần, phong, không bị thương tật vĩnh viễn từ 50% trở lên tại thời điểm bắt đầu tham gia bảo hiểm, không mắc bệnh ung thư tại thời điểm bắt đầu tham gia bảo hiểm. Số lượng tham gia: 12 nhân viên (trong đó có ông Nguyễn Xuân H1) và 10 người thân (trong đó có anh N.X.A). Quyền lợi bảo hiểm: Trường hợp tử vong được bồi thường 100% số tiền được bảo hiểm là 1.050.000.000 đồng (đối với nhân viên), 840.000.000 đồng (đối với người thân). Trường hợp nằm viện và phẫu thuật do bệnh, được bồi thường 10.500.000 đồng/ngày, 60 ngày/năm, trong đó giới hạn tiền giường 2.000.000 đồng/ngày, chi phí y tế khác phát sinh theo chỉ định của bác sỹ trong ngày nằm viện 2.000.000 đồng/ngày, trợ cấp nằm viện 105.000 đồng/ngày, 60 ngày/năm. Mức phí bảo hiểm đối với nhân viên là 4.612.507 đồng/người/năm, đối với người thân là 2.735.670 đồng/người/năm. Tổng phí là 82.706.784 đồng. Thời hạn thanh toán phí là ngày 30/6/2020. Ngày 29/01/2021, ông H1 bị xuất huyết dưới nhện do vỡ phình động mạch não, được đưa vào cấp cứu tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, chi phí điều trị là 6.503.874 đồng, sau đó được chuyển sang điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai và chết ngày 31/01/2021, chi phí điều trị là 49.768.947 đồng, tổng chi phí là 56.272.821 đồng do bà H thanh toán khi ra viện. Ngày 12/3/2021, bà H đã ký Giấy đề nghị bồi thường và nộp các chứng từ y tế, chứng từ kế toán kèm theo nhưng chưa được Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, tại Văn bản số 601/PTI-PCKSNB ngày 18/02/2022, Văn bản số 4838/PTI-PC ngày 26/12/2023, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B xác nhận trường hợp tử vong của ông H1 thuộc phạm vi bảo hiểm, số tiền chi trả bảo hiểm tử vong là 1.050.000.000 đồng và số tiền chi trả chi phí nằm viện là 37.989.264 đồng, tổng là 1.087.989.264 đồng. Anh X.A, bà H đồng ý với số tiền bảo hiểm là 1.087.989.264 đồng, các bên không có tranh chấp về nghĩa vụ bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm. Trong hợp đồng bảo hiểm, ông H1 không chỉ định người thụ hưởng số tiền bảo hiểm. Ông H1 cũng không để lại di chúc định đoạt số tiền bảo hiểm. Anh X.A cho rằng số tiền bảo hiểm là di sản thừa kế của ông H1 và yêu cầu được chia 50% số tiền. Bà H cho rằng số tiền bảo hiểm là tài sản chung vợ chồng của ông H1, bà H, phần tài sản của bà H là 50%, phần di sản của ông H1 là 50% số tiền. Tại Văn bản ngày 19/12/2023, Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba xác nhận: “Phí bảo hiểm 4.612.507 đồng/người/năm đối với ông N.X.H1 theo Hợp đồng bảo hiểm kết hợp

tai nạn và chăm sóc sức khỏe con người số 0000312I/HD/016-PCN/CN.4.5/2020 ký kết ngày 31/5/2020 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba và Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long là khoản phúc lợi Công ty mua cho cán bộ công nhân viên, đây là khoản phúc lợi ngoài lương của nhân sự Công ty”. Xét thấy, số tiền bảo hiểm chỉ phát sinh sau khi ông H1 chết, cũng là thời điểm hôn nhân giữa ông H1 và bà H chấm dứt theo Điều 65 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên số tiền đó không phải là tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà H. Mặt khác, ông H1 mua bảo hiểm cho chính mình, có quyền định đoạt số tiền bảo hiểm và quyền thụ hưởng số tiền bảo hiểm là quyền tài sản gắn liền với nhân thân của ông H1, nên theo Điều 11 của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, số tiền đó là tài sản riêng của ông H1 và là di sản thừa kế. Do đó, căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 614, 615, 621, 623, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh X.A, chia di sản của ông H1 là số tiền bảo hiểm 1.087.989.264 đồng theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 gồm anh X.A và bà H, mỗi người được hưởng số tiền 543.994.632 đồng.

[6] Trên cơ sở thỏa thuận giữa anh X.A và bà H về việc phân chia các nghĩa vụ tài sản, di sản thừa kế của ông H1 và phân chia của Tòa án đối với số tiền 7.467.860 đồng tại Ngân hàng TMCP K, số tiền bảo hiểm nhân thọ 1.087.989.264 đồng:

[6.1] Tổng giá trị nghĩa vụ tài sản anh X.A phải chịu là: 84.723.500 đồng + 25.000.000 đồng + 2.853.500 đồng + 33.646.103 đồng + 14.068.205 đồng = 160.291.308 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế anh X.A được hưởng là: 266.190.300 đồng + 17.500.000 đồng + 62.500.000 đồng + 1.866.965 đồng + 543.994.632 đồng = 892.051.897 đồng. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ tài sản của ông H1, anh X.A được hưởng thừa kế là: 892.051.897 đồng - 160.291.308 đồng = 731.760.589 đồng, gồm 1.866.965 đồng do Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ chi trả và 729.893.624 đồng do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B có nghĩa vụ chi trả.

[6.2] Tổng giá trị nghĩa vụ tài sản bà H phải chịu là: 84.723.500 đồng + 75.000.000 đồng + 8.560.500 đồng + 33.646.103 đồng + 42.204.616 đồng = 244.134.719 đồng. Tổng giá trị tài sản chung và di sản thừa kế bà H được chia, được hưởng là: 266.190.300 đồng + 52.500.000 đồng + 187.500.000 đồng + 5.600.895 đồng + 543.994.632 đồng = 1.055.785.827 đồng. Sau khi thực hiện xong phần nghĩa vụ riêng của bà H và nghĩa vụ tài sản của ông H1, bà H được chia tài sản chung, được hưởng thừa kế là: 1.055.785.827 đồng - 244.134.719 đồng = 811.651.108 đồng. Bà H đã nhận số tiền tử tuất và 02 xe máy tổng giá trị là: 532.380.600 đồng + 70.000.000 đồng + 250.000.000 đồng = 852.380.600 đồng và đã thanh toán tổng các nghĩa vụ tài sản là 404.426.207 đồng (gồm 169.447.000 đồng + 100.000.000 đồng + 11.414.000 đồng + 67.292.206 đồng + 56.272.821

đồng), bà H đang giữ số tiền còn lại là: 852.380.600 đồng - 404.426.207 đồng = 447.954.573 đồng. Bà H còn được hưởng thừa kế là: 811.651.108 đồng - 447.954.573 đồng = 363.696.535 đồng, gồm 5.600.895 đồng do Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ chi trả và 358.095.640 đồng do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B có nghĩa vụ chi trả.

[7] Bà Thuận, bà Thư, Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 rút đơn yêu cầu độc lập do bà H đã thanh toán xong các khoản nợ, nên căn cứ khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết các yêu cầu độc lập.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh X.A và bà H đã tự thỏa thuận phân chia một số tài sản, di sản thừa kế của ông H1, chỉ còn tranh chấp đối với số tiền 7.467.860 đồng tại Ngân hàng TMCP K và số tiền bảo hiểm nhân thọ 1.087.989.264 đồng, tổng là 1.095.457.124 đồng. Anh X.A được chia thừa kế 545.861.597 đồng, nên phải chịu 25.834.464 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào 19.368.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, còn phải nộp 6.466.464 đồng án phí. Bà H được chia thừa kế 549.595.527 đồng, nên phải chịu 25.983.821 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TNHH Một thành viên S1, bà Thư được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Thuận là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 614, 615, 621, 623, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 33, 65 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 3 Điều 218, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà D.T.T1 về việc buộc người thừa kế của ông N.X.H1 là bà T.T.H và anh N.X.A trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), do bà T.T.H đã thanh toán xong và bà D.T.T1 rút đơn yêu cầu độc lập.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà P.T.T2 về việc buộc người thừa kế của ông N.X.H1 là bà T.T.H và anh N.X.A trả 02 chỉ vàng, tương đương 11.414.000 đồng (Mười một triệu, bốn trăm mười bốn nghìn đồng), do bà T.T.H đã thanh toán xong và bà P.T.T2 rút đơn yêu cầu độc lập.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 về việc buộc người thừa kế của ông N.X.H1 là bà T.T.H và anh N.X.A trả số tiền 193.870.539 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, năm trăm ba mươi chín đồng), do bà T.T.H đã thanh toán xong và Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 rút đơn yêu cầu độc lập.

4. Xử:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.X.A về việc chia thừa kế tài sản của ông N.X.H1 theo pháp luật.

4.2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông N.X.H1 là ngày 31/01/2021. Xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H1 gồm: Anh N.X.A và bà T.T.H.

4.3. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh N.X.A và bà T.T.H về việc xác định số tiền 7.467.860 đồng (Bảy triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi đồng) có trong tài khoản của ông N.X.H1 tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Hà Nội tính đến ngày 14/12/2023 là tài sản chung vợ chồng của ông N.X.H1, bà T.T.H. Anh N.X.A được chia số tiền 1.866.965 đồng (Một triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng), bà T.T.H được chia số tiền 5.600.895 đồng (Năm triệu, sáu trăm nghìn đồng, tám trăm chín mươi lăm đồng) do Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ chi trả.

4.4. Xác định số tiền bảo hiểm nhân thọ 1.087.989.264 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng) phát sinh theo Hợp đồng bảo hiểm kết hợp tai nạn và chăm sóc sức khỏe con người số 0000312I/HD/016-PCN/CN.4.5/2020 ký kết ngày 31/5/2020 giữa Chi nhánh Công ty TNHH Viên Ba và Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long là di sản thừa kế của ông N.X.H1. Chia di sản của ông N.X.H1 theo pháp luật cho anh N.X.A, bà T.T.H, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 543.994.632 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

4.5. Đối trừ chênh lệch số tiền, giá trị tài sản mà bà T.T.H đã nhận, anh N.X.A được chia số tiền bảo hiểm nhân thọ là 729.893.624 đồng (Bảy trăm hai mươi chín

triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng), bà T.T.H được chia số tiền bảo hiểm nhân thọ là 358.095.640 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) do Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B có nghĩa vụ chi trả.

4.6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.7. Về án phí:

4.7.1. Anh N.X.A phải chịu 25.834.464 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 19.368.000 đồng (Mười chín triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0012199 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, còn phải nộp 6.466.464 đồng (Sáu triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.7.2. Bà T.T.H phải chịu 25.983.821 đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.7.3. Bà D.T.T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4.7.4. Bà P.T.T2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0012762 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4.7.5. Ngân hàng TNHH Một thành viên S1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.846.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0013165 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4.8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.9. Anh N.X.A, Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T.T.H, bà D.T.T1, bà

P.T.T2, Ngân hàng TNHH Một thành viên S1, Ngân hàng TNHH MTV S2, Ngân hàng TMCP K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam